



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 41
8. Phụ lục	42 - 44

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bê tông 6 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**Khái quát về Công ty**

Công ty cổ phần Bê tông 6 (tiền thân là Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới) là Doanh nghiệp được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước – Công ty bê tông 620 theo Quyết định số 41/2000/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700364079 (số cũ 460300013), đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 20 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: **329.935.500.000 VND**

Trong đó	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông		
Phần vốn Nhà nước (Bộ Tài chính)	19.569.030.000	5,93
Các cổ đông khác	310.366.470.000	94,07
<b>Cộng</b>	<b>329.935.500.000</b>	<b>100,00</b>

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh vào ngày 11 tháng 4 năm 2002 với mã chứng khoán là BT6.

**Trụ sở hoạt động:**

Địa chỉ : Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.  
 Điện thoại : (0650)3571617 - 3750650  
 Fax : (0650)3751628  
 E-mail : info@beton6.com  
 Mã số thuế : 3700364079

**Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh:**

Địa chỉ : Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.  
 Điện thoại : (08) 39119696  
 Fax : (08) 39119292

**Chi nhánh Công ty cổ phần Bê tông 6:**

Địa chỉ : Lô C.01& C.02, Khu công nghiệp Long Hậu, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc...);
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết: Gia công và sửa chữa các dụng cụ, máy móc thiết bị cơ khí dùng cho ngành xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Đầu tư thi công cầu cống, đường giao thông và các hạng mục liên quan đến công trình đường bộ, đường sắt;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Đào đắp, san lấp mặt bằng công trình.
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công ép cọc, khoan cọc nhồi, xử lý nền móng công trình.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6****BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông thường, bê tông tươi và bê tông siêu tương (chỉ hoạt động khi đáp ứng các quy định pháp luật về vận tải)
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình xây dựng giao thông (cầu, đường bộ); Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế máy móc và thiết bị (trừ phương tiện vận tải);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra thành phần và độ tinh khiết của khoáng chất; Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu; Kiểm tra chất lượng và độ tin cậy.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh);
- Công ty phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Văn Cầu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Trịnh Ngọc Hiến	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015 Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Trịnh Thanh Huy	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 9 năm 2009
Ông Nguyễn Hưng Quốc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2014
Ông Hà Thanh Mẫn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Châu Anh Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2015

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đào Minh Triết	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2010 Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Đưa	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2010 Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2014
Ông Trần Thanh Dũng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2014
Ông Bùi Đăng Bảo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2010 Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2015

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trịnh Ngọc Hiến	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Hà Thanh Mẫn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
Ông Nguyễn Hưng Quốc	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2014 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015

10/04  
CỘNG  
HÒA  
XÃ HỘI  
VIỆT  
NAM  
A 8  
W-CP

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Ngọc Dũng (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đặc biệt phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Bê tông 6 tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,  
  
Trần Văn Cầu  
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 8 năm 2015





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City  
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Cần Thơ City  
www.a-c.com.vn

Số: 0774/2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

**KÍNH GỬI: QUÍ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty cổ phần Béton 6 gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 07 tháng 8 năm 2015, từ trang 06 đến trang 44 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong quá trình soát xét chúng tôi nhận thấy chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Gói 2, Gói 3 thuộc công trình Đường cao tốc Long Thành - Dầu Giây là 138.457.555.377 VND (xem thuyết minh số V.7) đang được Công ty cổ phần Béton 6 tiếp tục làm việc với chủ đầu tư để nghiệm thu bổ sung khối lượng đã thực hiện tương ứng với chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang đã phát sinh. Tuy nhiên vào thời điểm hiện tại, Chúng tôi chưa có đầy đủ bằng chứng để đánh giá khả năng chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai của khoản chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang này.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



**Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc**  
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

**Võ Thành Công - Kiểm toán viên**  
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 1033-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6**

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGÂN HÀNG</b>	<b>100</b>		<b>1.250.348.802.547</b>	<b>1.200.858.536.769</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.038.381.445	31.615.778.222
1. Tiền	111		11.144.546.322	30.755.541.006
2. Các khoản tương đương tiền	112		893.835.123	860.237.216
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		58.809.000.000	56.309.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	58.809.000.000	56.309.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		806.070.474.291	757.335.757.063
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	629.098.573.680	592.513.770.164
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	15.034.858.675	40.279.230.548
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	179.626.238.300	142.231.952.715
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(17.689.196.364)	(17.689.196.364)
IV. Hàng tồn kho	140		339.100.810.839	321.752.436.598
1. Hàng tồn kho	141	V.7	342.608.082.229	325.259.707.988
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(3.507.271.390)	(3.507.271.390)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.330.135.972	33.845.564.886
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	778.204.955	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.24	215.193.818	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	33.336.737.199	33.845.564.886

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>399.610.572.474</b>	<b>417.598.144.455</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>70.294.501.521</b>	<b>75.371.473.331</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	31.897.439.413	36.974.411.223
<i>Nguyên giá</i>	222		185.771.536.828	190.457.116.592
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(153.874.097.415)	(153.482.705.369)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	38.397.062.108	38.397.062.108
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.13</b>	<b>3.331.178.400</b>	<b>3.331.178.400</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		3.331.178.400	3.331.178.400
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>186.383.462.327</b>	<b>198.353.653.663</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	64.560.538.009	64.560.538.009
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	107.833.920.000	121.533.920.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	24.656.510.000	24.656.510.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.17	(10.667.505.682)	(12.397.314.346)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>139.601.430.226</b>	<b>140.541.839.061</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	135.869.251.474	136.809.660.309
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.19	3.503.978.752	3.503.978.752
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.20	228.200.000	228.200.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.649.959.375.021</b>	<b>1.618.456.681.224</b>

 04  
 DN  
 VH  
 14  
 11



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.140.152.223.043</b>	<b>1.115.058.635.183</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.138.683.429.068</b>	<b>1.113.589.841.208</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	658.623.403.300	654.890.038.341
2. Phải trả người bán	312	V.22	331.354.130.619	309.363.448.563
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	89.247.400.341	88.097.018.922
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	3.172.829.209	3.551.523.610
5. Phải trả người lao động	315	V.25	6.851.533.133	6.639.952.215
6. Chi phí phải trả	316	V.26	39.429.987.980	29.082.270.768
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.27	5.678.192.102	17.065.764.383
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	321	V.28	4.325.952.384	4.889.824.406
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.468.793.975</b>	<b>1.468.793.975</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.29	1.066.644.115	1.066.644.115
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.30	402.149.860	402.149.860
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>509.807.151.978</b>	<b>503.398.046.041</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>509.807.151.978</b>	<b>503.398.046.041</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.31	329.935.500.000	329.935.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.31	72.523.342.462	72.523.342.462
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.31	107.348.309.516	100.939.203.579
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí để hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.649.959.375.021</b>	<b>1.618.456.681.224</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)


### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khác đòi đã xử lý		8.816.109.801	8.816.109.801
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		1.059,74	1.069,72
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 07 tháng 8 năm 2015

  
Nguyễn Thị Ngọc Trâm  
Người lập biểu

  
Võ Thị Xuân Lan  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Ngọc Dũng  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6**

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**


(Dạng đầy đủ)

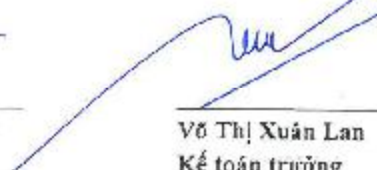
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	487.429.549.243	256.716.279.829
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	487.429.549.243	256.716.279.829
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	432.649.464.442	215.521.353.015
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54.780.084.801	41.194.926.814
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.463.464.758	12.197.877.686
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	28.508.362.310	24.048.705.399
Trong đó: chi phí lãi vay	23		29.335.361.266	30.209.090.375
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	5.198.716.279	1.232.400.851
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	19.213.652.224	23.264.971.878
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.322.818.746	4.846.726.372
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.208.413.624	1.306.357.800
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.314.429.887	108.472.958
13. Lợi nhuận khác	40		2.893.983.737	1.197.884.842
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.216.802.483	6.044.611.214
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	1.807.696.546	1.329.814.467
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.19	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>6.409.105.937</u>	<u>4.714.796.747</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Bình Dương, ngày 07 tháng 8 năm 2015

  
 Nguyễn Thị Ngọc Trâm  
 Người lập biểu

  
 Võ Thị Xuân Lan  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Ngọc Dũng  
 Tổng Giám đốc


**CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.216.802.483	6.044.611.214
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10	5.155.325.489	6.633.860.426
- Các khoản dự phòng	03	V.16	(1.729.808.664)	(8.045.526.147)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(9.542.998)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3; VI.7, VI.8	(3.864.012.107)	(12.124.458.277)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	29.335.361.266	30.209.090.375
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		37.104.125.469	22.717.577.591
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(31.458.458.859)	28.033.783.836
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(17.348.374.241)	(40.356.274.566)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		21.829.242.684	(6.102.836.617)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		162.203.880	(2.582.411.904)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(29.335.361.266)	(30.209.090.375)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.24	(1.615.620.880)	(3.509.564.926)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		855.004.323	1.802.041.937
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.672.584.620)	(6.294.106.391)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(21.479.823.510)</b>	<b>(41.500.881.415)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11	(113.400.000)	(1.920.019.773)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	500.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(2.500.000.000)	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	VII	-	(10.600.001.520)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.15; VII	-	38.985.330.750
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3; VII	282.461.774	1.871.283.037
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.830.938.226)</b>	<b>25.336.592.494</b>

BẢNG  
 CÁI CHÊ  
 KẾ TÍNH  
 A  
 5/1/15

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	21		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.21; V.29	374.600.070.896	386.529.578.485
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.21; V.29	(370.866.705.937)	(383.179.067.529)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<u>3.733.364.959</u>	<u>3.350.510.956</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(19.577.396.777)	(12.813.777.965)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	31.615.778.222	24.773.374.273
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>12.038.381.445</u>	<u>11.959.596.308</u>

Bình Dương, ngày 07 tháng 8 năm 2015

  
 Nguyễn Thị Ngọc Trâm  
 Người lập biểu

  
 Võ Thị Xuân Lan  
 Kế toán trưởng



  
 Nguyễn Ngọc Dũng  
 Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, xây dựng và dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc,...); Sản xuất các loại vệt liệu xây dựng; Xây dựng các công trình giao thông, cầu cống, đường bộ, bến cảng; Nạo vét, bồi đắp mặt bằng, đào đắp, thi công nền móng công trình, thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn; Xây dựng các công trình công nghiệp; Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông tươi siêu trường, siêu trọng.

#### 4. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 Công ty có 817 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 746 nhân viên).

#### 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu và lợi nhuận 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do khối lượng sản phẩm bê tông bán ra tăng mạnh. Công ty đang đẩy mạnh sản xuất và cung ứng các loại sản phẩm bê tông trên thị trường để phát triển hoạt động mũi nhọn của Công ty.

Trong kỳ, Công ty đã mua lại toàn bộ phần vốn góp của Công ty cổ phần đầu tư VBA tại Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi và Công ty cổ phần bê tông ly tâm Dung Quất sau đó chuyển nhượng toàn bộ phần vốn sở hữu mà Công ty đang nắm giữ tại hai Công ty này cho Ông Trần Nguyên Vũ, tổng giá trị chuyển nhượng là 37.012.400.000 VND theo hợp số 01/HĐCNCP ngày 20 tháng 01 năm 2015.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 đã thống nhất kế hoạch xin hủy niêm yết tự nguyện cổ phiếu B16 tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo đúng quy định hiện hành.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

178  
TY  
HUU  
ATU  
C  
HOC

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty sẽ áp dụng các qui định của Thông tư này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vẫn được lập và trình bày theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán này theo qui định tại Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với hoạt động sản xuất, tính theo phương pháp thực tế đích danh đối với hoạt động xây dựng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính hữu hình đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

#### 6. Tài sản thuê hoạt động

##### *Công ty là bên đi thuê*

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá. Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn (thời gian sử dụng đất lâu dài) nên không tính khấu hao.





## CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản dở. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tổng, giảm số dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### 10. Chi phí trả trước dài hạn

#### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa bao gồm: Chi phí mở rộng, sửa chữa nhà xưởng, sửa chữa nội trộn bê tông, chi phí trang trí nội thất. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 đến 05 năm.

#### *Chi phí tư vấn lập dự án*

Chi phí tư vấn lập dự án Đường trên cao số 01. Chi phí này sẽ được phân bổ khi Công ty tham gia đấu thầu công trình.

ĐƯỢC  
CÓI  
CHÍNH  
TỔNG  
A  
NH-

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### *Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính được phân bổ với thời gian không quá 03 năm.

#### 11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### 12. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

#### 13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trung tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

#### *Chi phí bảo hành công trình xây lắp*

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

#### 14. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty chỉ có vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### 15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### 16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	10% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	

Mức trích lập của các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### 18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 30/06/2015 : 21.780 VND/USD  
31/12/2014 : 21.361 VND/USD

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### *Doanh thu xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

### 20. Tài sản tài chính

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### 21. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) đo giảm giá trị hoặc đo không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### 22. **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 23. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	180.545.208	1.264.451.000
Tiền gửi ngân hàng	10.964.001.114	29.491.090.006
Các khoản tương đương tiền (*)	893.835.123	860.237.216
<b>Cộng</b>	<b>12.038.381.445</b>	<b>31.615.778.222</b>

(\*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng.

Tiền gửi ngân hàng có số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 447.497.375 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.21).

Tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông Việt Nam - Chi nhánh Phú Lâm có số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 2.670.149.180 VND chỉ có thể giao dịch cho các nghiệp vụ liên quan đến Công trình Cầu Ông Bướng.

### 2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn khác		
- Cho Công ty TNHH một thành viên 3D Long Hậu vay với lãi suất 12%/năm	53.309.000.000	53.309.000.000
- Cho Công ty cổ phần Synectics vay không lãi suất	2.500.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng <sup>(*)</sup>	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>58.809.000.000</b>	<b>56.309.000.000</b>

(\*) Tiền gửi ngân hàng có số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 3.000.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.21).

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6**

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**3. Phải thu của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng của hoạt động xây lắp	300.176.500.131	315.974.553.585
Các khách hàng của sản phẩm bê tông	238.637.771.944	195.369.673.912
Các khách hàng của hoạt động thương mại	90.284.301.605	81.169.542.667
<b>Cộng</b>	<b><u>629.098.573.680</u></b>	<b><u>592.513.770.164</u></b>

**4. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà thầu thi công	3.807.965.081	3.758.862.762
Các nhà cung cấp vật tư, phụ tùng	3.590.906.336	35.363.803.512
Các nhà cung cấp khác	7.635.987.258	1.156.564.274
<b>Cộng</b>	<b><u>15.034.858.675</u></b>	<b><u>40.279.230.548</u></b>

**5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần cảng Bình Minh (thanh lý khoản đầu tư)	1.611.920.316	1.611.920.316
Cổ tức phải thu	4.829.618.533	8.202.082.038
Lãi dự thu tiền cho vay	26.419.534.848	23.203.225.181
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre (vay hộ)	2.109.460.846	2.109.460.846
Chuyển nhượng vốn phải thu	41.380.000.000	41.680.000.000
Công ty cổ phần 620 Long An - Tạm ứng công trình cầu Mỹ Lợi	-	910.873.243
Tiền cho mượn	8.680.355.757	8.680.355.757
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	134.759.334
Chuyển tiền theo hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt	94.390.848.000	55.490.848.000
Các khoản phải thu khác	204.500.000	208.428.000
<b>Cộng</b>	<b><u>179.626.238.300</u></b>	<b><u>142.231.952.715</u></b>

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	789.250.000	789.250.000
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	16.899.946.364	16.899.946.364
<b>Cộng</b>	<b><u>17.689.196.364</u></b>	<b><u>17.689.196.364</u></b>

9044  
 CÔNG  
 - VẮT  
 TOÀN  
 A  
 M-T

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6**

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	26.493.855.153	16.323.258.381
Công cụ, dụng cụ	718.933.863	746.795.622
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	211.596.521.095	240.129.757.728
Thành phẩm	97.694.641.464	67.086.470.855
Hàng hóa	6.104.130.654	973.425.402
<b>Cộng</b>	<b><u>342.608.082.229</u></b>	<b><u>325.259.707.988</u></b>

(\*) Trong đó, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Gói 2 và Gói 3 thuộc công trình Đường cao tốc Long Thành - Dầu Giây với số tiền là 138.457.555.377 VND đang được Công ty cổ phần Beton 6 tiếp tục làm việc với chủ đầu tư để nghiệm thu bổ sung khối lượng đã thực hiện tương ứng với chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang đã phát sinh.

**8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.192.465.184	1.192.465.184
Thành phẩm	2.314.806.206	2.314.806.206
<b>Cộng</b>	<b><u>3.507.271.390</u></b>	<b><u>3.507.271.390</u></b>

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	65.280.314	-
Tiền thuê đất	712.924.641	-
<b>Cộng</b>	<b><u>778.204.955</u></b>	<b><u>-</u></b>

**10. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	29.552.784.646	29.824.077.102
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	3.783.952.553	4.021.487.784
<b>Cộng</b>	<b><u>33.336.737.199</u></b>	<b><u>33.845.564.886</u></b>

**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	21.616.856.426	86.350.998.092	79.171.993.993	3.317.268.081	190.457.116.592
Mua sắm mới	-	113.400.000	-	-	113.400.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.798.979.764)	-	-	(4.798.979.764)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>21.616.856.426</u></b>	<b><u>81.665.418.328</u></b>	<b><u>79.171.993.993</u></b>	<b><u>3.317.268.081</u></b>	<b><u>185.771.536.828</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	10.703.405.763	33.590.285.010	55.449.615.509	2.212.502.796	101.955.809.078
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	14.741.882.026	64.959.088.477	70.652.768.705	3.128.966.161	153.482.705.369
Khấu hao trong kỳ	249.760.656	3.329.628.993	1.508.666.877	67.268.963	5.155.325.489
Khấu hao tài sản hình thành từ Quỹ phúc lợi	35.046.321	-	-	-	35.046.321
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.798.979.764)	-	-	(4.798.979.764)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>15.026.689.003</u></b>	<b><u>63.489.737.706</u></b>	<b><u>72.161.435.582</u></b>	<b><u>3.196.235.124</u></b>	<b><u>153.874.097.415</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	6.874.974.400	21.391.909.616	8.519.225.287	188.301.920	36.974.411.223
Số cuối kỳ	6.590.167.423	18.175.680.622	7.010.558.411	121.032.957	31.897.439.413
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Tài sản cố định hữu hình là 05 xe trộn bê tông hiệu Hyundai HD270, 2 xe cần cẩu bánh xích, 1 xe đào bánh xích và hệ thống xử lý nước thải có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 13.527.783.089 VND và 6.011.105.218 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TNHH Indovina và Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1, TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh V.21).

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua sắm TSCĐ	2.930.687.282	2.930.687.282
XDCB dở dang	35.466.374.826	35.466.374.826
- Công trình mở rộng bãi đã	8.586.545.434	8.586.545.434
- Công trình Nhà máy Beton6 Long Hậu – tại Khu Công nghiệp Long Hậu, Long An	26.472.583.619	26.472.583.619
- Dự án nhà ở Châu Thới	407.245.773	407.245.773
<b>Cộng</b>	<b>38.397.062.108</b>	<b>38.397.062.108</b>

**13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không có thời hạn sử dụng lâu dài liên quan đến Lô Bp-46 tại xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm cuối năm tài chính, Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này.

Quyền sử dụng đất này đã được dùng để thế chấp để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh V.21).

**14. Đầu tư vào công ty con**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu <sup>6)</sup>	69.000	690.000.000	69.000	690.000.000
Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 <sup>6)</sup>	3.295.000	59.370.538.009	3.295.000	59.370.538.009
Công ty cổ phần Bestcon <sup>6)</sup>	450.000	4.500.000.000	450.000	4.500.000.000
<b>Cộng</b>		<b>64.560.538.009</b>		<b>64.560.538.009</b>

<sup>6)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701469571 ngày 10 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu với số tiền 690.000.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

- <sup>(a)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700669521 ngày 22 tháng 02 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620 với số tiền 59.370.538.009 VND, tương đương 99,85% vốn điều lệ.
- <sup>(b)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312210690 ngày 29 tháng 3 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần Bestcon là 14.800.000.000 VND, tương đương 74% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã đầu tư 4.500.000.000 VND, tương đương 19,5% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần Bestcon là 10.300.000.000 VND.

#### 15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới <sup>(a)</sup>	1.250.000	12.500.000.000	1.250.000	12.500.000.000
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre <sup>(b)</sup>	81.520	815.200.000	81.520	815.200.000
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới <sup>(c)</sup>	-	300.000.000	-	300.000.000
Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi <sup>(d)</sup>	-	-	1.600.000	13.700.000.000
Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai <sup>(e)</sup>	4.421.872	44.218.720.000	4.421.872	44.218.720.000
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp <sup>(f)</sup>	5.000.000	50.000.000.000	5.000.000	50.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>107.833.920.000</b>		<b>121.533.920.000</b>

- <sup>(a)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500419552, thay đổi lần 07 ngày 19 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới 12.500.000.000 VND, tương đương 20,83% vốn điều lệ.
- <sup>(b)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5503000012 ngày 26 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre 815.200.000 VND, tương đương 45,00% vốn điều lệ.
- <sup>(c)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4102041657 ngày 02 tháng 8 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới 300.000.000 VND, tương đương 30,00% vốn điều lệ.
- <sup>(d)</sup> Công ty đã chuyển nhượng 40% vốn điều lệ của Công ty cổ phần đầu tư phát triển 620 Quảng Ngãi cho Ông Trần Nguyễn Vũ theo hợp đồng số 01/HDCNCP ngày 20 tháng 01 năm 2015.
- <sup>(e)</sup> Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai 44.218.720.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.
- <sup>(f)</sup> Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp 50.000.000.000 VND, tương đương 24,27% vốn điều lệ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**16. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		7.996.510.000		7.996.510.000
- Công ty cổ phần Cảng Vinh Long	300.000	3.060.000.000	300.000	3.060.000.000
- Công ty cổ phần trang trí đá Vinh Cửu	60.000	2.040.000.000	60.000	2.040.000.000
- Công ty cổ phần xuất nhập khẩu & xây dựng công trình (Tranimexco)	150.000	2.050.000.000	150.000	2.050.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương	119.824	846.510.000	119.824	846.510.000
Đầu tư vào đơn vị khác		16.660.000.000		16.660.000.000
- Công ty cổ phần bê tông Sài Gòn Sáu Hai Mười	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
- Công ty cổ phần BOT cầu Phú Mỹ	1.516.000	15.160.000.000	1.516.000	15.160.000.000
<b>Cộng</b>		<b>24.656.510.000</b>		<b>24.656.510.000</b>

**17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	5.527.986.083	6.759.413.805
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết	1.614.079.676	2.037.460.618
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	3.525.439.923	3.600.439.923
<b>Cộng</b>	<b>10.667.505.682</b>	<b>12.397.314.346</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	12.397.314.346	21.586.130.901
Hoàn nhập	(1.729.808.664)	(8.045.526.147)
Số cuối kỳ	<b>10.667.505.682</b>	<b>13.540.604.754</b>

**18. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
		Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	
Chi phí sửa chữa	1.700.811.172	-	(733.909.698)	966.901.474
Chi phí tư vấn lập dự án	1.650.000.000	-	-	1.650.000.000
Chi phí chuyển giao công nghệ bê tông cốt thép	4.207.200.000	-	-	4.207.200.000
Tiền thuê đất <sup>(1)</sup>	129.045.150.000	-	-	129.045.150.000
Công cụ, dụng cụ	206.499.137	-	(206.499.137)	-
<b>Cộng</b>	<b>136.809.660.309</b>	-	<b>(940.408.835)</b>	<b>135.869.251.474</b>

- (1) Tiền thuê đất của Khu Công nghiệp Long Hậu sẽ được phân bổ từ khi công trình hoàn thành cho thời gian thuê còn lại. Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1, TP. Hồ Chí Minh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**20. Tài sản dài hạn khác**

Khoản đặt cọc thuê container và đặt cọc khác.

**21. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	657.593.774.474	652.831.880.689
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam<sup>(i)</sup></i>	68.890.480.601	92.329.276.290
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn<sup>(ii)</sup></i>	77.950.488.861	103.668.938.477
<i>Ngân hàng TNHH Indovina<sup>(iii)</sup></i>	153.590.844.851	157.693.304.059
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Dầu khí và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định</i>	-	44.450.932.950
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1, TP. Hồ Chí Minh<sup>(iv)</sup></i>	237.174.929.542	145.295.072.628
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh<sup>(v)</sup></i>	119.987.030.619	109.394.356.285
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.29)	1.029.628.826	2.058.157.652
<i>Ngân hàng TNHH Indovina</i>	807.028.826	1.612.957.652
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh, 1 TP. Hồ Chí Minh</i>	222.600.000	445.200.000
<b>Cộng</b>	<b>658.623.403.300</b>	<b>654.890.038.341</b>

<sup>(i)</sup> Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp.

<sup>(ii)</sup> Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này có đảm bảo bằng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn.

<sup>(iii)</sup> Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp.

<sup>(iv)</sup> Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1, TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở tín chấp, có thế chấp bỏ sung quyền sử dụng đất.

<sup>(v)</sup> Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng số dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</b>	<b>Số tiền vay đã trả trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	652.831.880.689	374.600.070.896	(369.838.177.111)	657.593.774.474
Vay dài hạn đến hạn trả	2.058.157.652		(1.028.528.826)	1.029.628.826
<b>Cộng</b>	<b>654.890.038.341</b>	<b>374.600.070.896</b>	<b>(370.866.705.937)</b>	<b>658.623.403.300</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6**

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****22. Phải trả cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp cấp	20.482.670.415	16.398.807.305
Các nhà cung cấp cát	6.191.239.330	7.114.229.503
Các nhà cung cấp đá	3.690.849.400	2.636.401.779
Các nhà cung cấp sắt	73.356.441.389	78.844.882.709
Các nhà cung cấp phụ gia	6.516.969.574	7.381.580.266
Các nhà cung cấp xi măng	21.932.032.330	23.335.598.110
Công ty cổ phần Long Hậu	89.412.552.246	89.412.552.246
Các nhà cung cấp khác	109.771.375.935	84.239.396.645
<b>Cộng</b>	<b><u>331.354.130.619</u></b>	<b><u>309.363.448.563</u></b>

**23. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng	63.900.082.545	81.872.095.596
Các khách hàng mua hàng hóa, thành phẩm	25.347.317.796	6.224.923.326
<b>Cộng</b>	<b><u>89.247.400.341</u></b>	<b><u>88.097.018.922</u></b>

**24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.606.647.795	1.072.057.873	(1.622.006.000)	1.056.699.668
Thuế GTGT hàng nhập khẩu <sup>(*)</sup>	-	2.248.823.301	(2.462.690.819)	(213.867.518)
Thuế xuất, nhập khẩu <sup>(*)</sup>	-	52.432.252	(53.758.552)	(1.326.300)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.615.620.880	1.807.696.546	(1.615.620.880)	1.807.696.546
Thuế thu nhập cá nhân	339.254.935	552.432.203	(583.254.143)	308.432.995
Tiền thuế đất	-	1.425.849.282	(1.425.849.282)	-
Các loại thuế khác	-	39.754.751	(39.754.751)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.561.523.610</u></b>	<b><u>7.199.046.208</u></b>	<b><u>(7.802.934.427)</u></b>	<b><u>2.957.635.391</u></b>

(\*) Thuế GTGT hàng nhập khẩu và thuế xuất, nhập khẩu nộp trước được trình bày trên khoản mục thuế và các khoản phải thu Nhà nước.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thi công công trình cho các dự án ODA: Không chịu thuế
- Sản phẩm bê tông, công trình xây dựng và dịch vụ vận chuyển: 10%
- Hàng hóa khác: 05% - 10%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

012  
 TỶ  
 HỒ  
 4 TL  
 C  
 HỒ

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6**

Địa chỉ: Km: 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã DT An, tỉnh Bình Dương.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.216.802.483	6.044.611.214
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	8.216.802.483	6.044.611.214
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	8.216.802.483	6.044.611.214
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.807.696.546</b>	<b>1.329.814.467</b>

**Thuế nhà thầu**

Áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính đối với dịch vụ tư vấn.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**25. Phải trả người lao động**

Tiền lương tháng 6 năm 2015 còn phải trả cho người lao động.

**26. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công trình	23.516.688.854	16.822.570.953
Chi phí lãi chậm thanh toán của Công ty cổ phần Long Hậu	10.602.730.042	10.602.730.042
Chi phí dịch vụ tư vấn hoạt động	5.038.814.302	-
Chi phí vận chuyển	-	1.154.545.454
Chi phí khác	271.754.782	502.424.319
<b>Cộng</b>	<b>39.429.987.980</b>	<b>29.082.270.768</b>

**27. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	339.959.033	530.935.375
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.143.353.122	1.426.136.125
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	272.532.512	272.532.512
Tạm nhập kho nguyên vật liệu, hàng hóa	1.239.332.348	8.408.131.468
Phải trả tiền ứng thanh lý Công ty liên kết	-	4.000.000.000
Các khoản phải trả khác	1.683.015.087	2.428.028.903
<b>Cộng</b>	<b>5.678.192.102</b>	<b>17.065.764.383</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****28. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng khác	Giảm khác	Chỉ quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.234.787.519	-	-	(156.500.000)	1.078.287.519
Quỹ phúc lợi	458.645.738	2.000.000	-	(348.180.000)	112.465.738
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.445.124.200	85.680.429	-	(111.826.133)	2.418.978.496
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	751.266.949	-	(35.046.318)	-	716.220.631
<b>Cộng</b>	<b>4.889.824.406</b>	<b>87.680.429</b>	<b>(35.046.318)</b>	<b>(616.506.133)</b>	<b>4.325.952.384</b>

**29. Vay và nợ dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TNHH Indovina <sup>69</sup>	831.644.115	831.644.115
Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh <sup>69</sup>	235.000.000	235.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.066.644.115</b>	<b>1.066.644.115</b>

<sup>69</sup> Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina theo Hợp đồng vay số 149/1210/MTLc/1027616 ngày 07 tháng 12 năm 2010 và hợp đồng vay số 71/06/2013/MTLc/1027616 ngày 07 tháng 12 năm để mua mới 05 xe trộn bê tông hiệu Hyundai HD270 với lãi suất 9,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính 05 chiếc xe trộn bê tông Hyundai HD270.

<sup>69</sup> Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để mua máy móc thiết bị với lãi suất 12,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng 02 chiếc xe cần cẩu bánh xích và 01 chiếc xe đào đã qua sử dụng.

Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn và nợ dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.029.628.826	2.058.157.652
Trên 01 năm đến 05 năm	1.066.644.115	1.066.644.115
<b>Tổng nợ</b>	<b>2.096.272.941</b>	<b>3.124.801.767</b>

Chi tiết số phát sinh của khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.066.644.115	5.575.608.072
Số kết chuyển	-	(967.051.156)
Trả nợ vay	-	(2.885.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.066.644.115</b>	<b>1.723.556.916</b>

**30. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng bảo hành công trình xây lắp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**31. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	329.935.500.000	71.970.240.958	78.064.840.672	479.970.581.630
Lợi nhuận trong năm	-	-	6.930.689.411	6.930.689.411
Trích lập các quỹ trong năm	-	553.101.504	(553.101.504)	-
Hủy thanh toán cổ tức năm trước	-	-	16.496.775.000	16.496.775.000
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>329.935.500.000</b>	<b>72.523.342.462</b>	<b>100.939.203.579</b>	<b>503.398.046.041</b>
Số dư đầu năm nay	329.935.500.000	72.523.342.462	100.939.203.579	503.398.046.041
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	6.409.105.937	6.409.105.937
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>329.935.500.000</b>	<b>72.523.342.462</b>	<b>107.348.309.516</b>	<b>509.807.151.978</b>

*Cổ phiếu*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.993.550	32.993.550
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.993.550	32.993.550
- Cổ phiếu phổ thông	32.993.550	32.993.550
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.993.550	32.993.550
- Cổ phiếu phổ thông	32.993.550	32.993.550
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động xây dựng	186.769.069.112	97.822.790.549
Doanh thu sản phẩm bê tông	226.386.587.641	143.757.403.784
Doanh thu khác	74.273.892.160	15.136.085.496
<b>Cộng</b>	<b>487.429.549.213</b>	<b>256.716.279.829</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động xây dựng	166.649.185.700	79.030.565.494
Giá vốn của sản phẩm bê tông	188.035.735.200	120.494.882.716
Giá vốn khác	77.964.543.542	15.995.904.805
<b>Cộng</b>	<b>432.649.464.442</b>	<b>215.521.353.015</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6**

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	69.224.409	73.419.409
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	111.755.240	-
Lãi thanh lý các khoản đầu tư khác	-	8.866.210.210
Lãi tiền cho vay	3.216.309.667	3.216.309.667
Cổ tức, lợi nhuận được chia	35.947.200	41.938.400
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.542.998	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.685.244	-
<b>Cộng</b>	<b>3.463.464.758</b>	<b>12.197.877.686</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	29.335.361.266	30.209.090.375
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(1.729.808.664)	(8.045.526.147)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	103.644.684	134.199.180
Lãi mua hàng trả chậm	799.165.024	1.750.941.991
<b>Cộng</b>	<b>28.508.362.310</b>	<b>24.048.705.399</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.758.654.030	1.032.591.952
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.587.271	12.769.091
Chi phí khác	438.474.978	187.039.808
<b>Cộng</b>	<b>5.198.716.279</b>	<b>1.232.400.851</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.201.554.935	10.520.085.338
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	644.138.404	1.140.066.675
Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.268.958	157.539.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.642.361	264.319.969
Chi phí khác	14.250.047.566	11.182.960.704
<b>Cộng</b>	<b>19.213.652.224</b>	<b>23.264.971.878</b>

**7. Thu nhập khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	500.000.000	-
Lãi nhận được từ tiền bảo hành công trình	1.753.159.184	-
Chiết khấu	1.687.260.200	1.253.608.400
Các khoản thu nhập khác	267.994.240	52.749.400
<b>Cộng</b>	<b>4.208.413.624</b>	<b>1.306.357.800</b>

04  
ÔN  
NH  
TOÁN  
A  
4-T

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính: kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	35.214.680	27.971.396
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	501.400.000	-
Xử lý các khoản đặt cọc và thanh lý trước thời hạn hợp đồng	451.497.487	-
Các khoản chi phí khác	326.317.721	80.501.562
<b>Cộng</b>	<b>1.314.429.888</b>	<b>108.472.958</b>

#### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	168.915.013.841	157.226.585.475
Chi phí nhân công	50.768.164.952	39.676.767.754
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.155.325.489	6.633.860.426
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.177.138.401	1.165.856.219
Chi phí khác	81.742.945.891	71.349.120.284
<b>Cộng</b>	<b>307.758.588.574</b>	<b>276.052.190.158</b>

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Nhận chuyển nhượng cổ phần bằng cách nhận các khoản nợ	23.312.400.000	-
Chuyển nhượng cổ phần bằng cách nhận các khoản nợ	37.012.400.000	-
Nhận cổ tức bằng cách cản trừ công nợ	3.372.463.505	-
<b>Cộng</b>	<b>63.697.263.505</b>	<b>-</b>

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Cam kết góp vốn

Công ty tham gia góp vốn thành lập Công ty cổ phần Bestcon. Tại ngày kết thúc năm tài chính, vốn điều lệ còn phải đầu tư vào công ty này là 10.300.000.000 VND (xem thuyết minh số V.13).

#### 2. Giao dịch với các bên liên quan

##### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ phải thu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan là 6.200.000.000 VND.

1915  
S TY  
THU  
VÀ T  
C  
HOC

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6**

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	462.000.000	1.797.809.822
Thù lao được hưởng	-	132.000.000
Tiền thưởng	29.377.000	350.307.800
<b>Cộng</b>	<b>491.377.000</b>	<b>2.280.117.622</b>

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620	Công ty con
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu	Công ty con
Công ty cổ phần Bestcon	Công ty con
Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới	Công ty liên kết
Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre	Công ty liên kết
Công ty TNHH thi công cơ giới Châu Thới	Công ty liên kết
Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cung ứng và phân phối Vật liệu Sao Mai	Công ty liên kết
Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico	Công ty con của Công ty cổ phần Cung ứng và Phân phối Vật liệu Sao Mai
Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6 - TNHH một thành viên	Cổ đông chiếm 5,93% vốn điều lệ của Công ty
Công ty cổ phần bất động sản Bình Thiên An	Công ty có cùng chủ đầu tư
Công ty cổ phần thương mại đầu tư HB	Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị
Công ty TNHH Mascon	Cổ đông nắm giữ 18,90% vốn điều lệ của Công ty
Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt	Cổ đông nắm giữ 7,89% vốn điều lệ của Công ty
Công ty cổ phần Tri Việt Hội An	Công ty có cùng thành viên Hội đồng quản trị

Các nghiệp vụ phát sinh trọng yếu trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty cổ phần bê tông ly tâm 620</b>		
Thuê máy móc thiết bị	1.909.090.909	2.727.272.727
<b>Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu</b>		
Cổ tức	-	-
Thuê giám sát thí nghiệm	54.545.455	54.545.455
Cho thuê thiết bị	163.608.716	219.954.004
<b>Công ty cổ phần Bestcon</b>		
Góp vốn	-	600.000.000
<b>Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới</b>		
Mua hàng hóa	16.219.000.000	-
Thi công công trình		87.780.000
Cổ tức		437.500.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp</b>		
Bán sản phẩm	5.196.563.120	-
<b>Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu</b>		
<b>Sao Mai</b>		
Góp vốn	-	75.918.720.000
Thoái vốn	-	31.700.000.000
Mua nguyên vật liệu	21.733.064.105	15.451.514.469
<b>Công ty cổ phần bất động sản Bình Thiên An</b>		
Thi công công trình	85.605.390	-
<b>Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt</b>		
Hợp tác đầu tư	38.900.000.000	55.490.848.000
Giao dịch với các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.		
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Công ty cổ phần Bestcon</b>		
Trả trước	400.000.000	400.000.000
<b>Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới</b>		
Cổ tức được chia	-	3.372.463.505
<b>Công ty cổ phần xây dựng 620 Bến Tre</b>		
Bán sản phẩm Bê tông	1.531.194.602	1.531.194.602
Vay hộ	2.109.460.846	2.109.460.846
Cổ tức phải thu	87.043.333	87.043.333
Cho mượn	100.000.000	100.000.000
<b>Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp</b>		
Bán vật tư, sản phẩm bê tông	3.965.267.120	-
<b>Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tân Uyên Fico</b>		
Cho mượn	3.022.408.000	3.022.408.000
Cổ tức phải thu	4.742.575.200	4.742.575.200
<b>Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6 – TNHH một thành viên</b>		
Thi công công trình	690.817.879	690.817.879
<b>Công ty cổ phần thương mại đầu tư HB</b>		
Ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	3.212.873.160	9.612.873.160
<b>Công ty TNHH Mascon</b>		
Ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	-	25.650.036.182



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6**

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Tân Việt</i>		
Hợp tác đầu tư	94.390.848.000	55.490.848.000
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b><u>114.252.488.140</u></b>	<b><u>106.809.720.707</u></b>
<i>Công ty cổ phần bê tông ty tâm 620</i>		
Thuê máy móc thiết bị	7.482.870.860	5.382.870.860
Cần trừ công nợ 3 bên với Công ty cổ phần đầu tư VBA	17.100.000.000	-
<i>Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Bình Châu</i>		
Thuê giám sát, thí nghiệm	625.083.984	575.971.396
<i>Công ty cổ phần bê tông 620 Châu Thới</i>		
Mua hàng hóa	1.882.286.495	-
<i>Công ty cổ phần xây dựng công nghiệp</i>		
Thi công công trình	115.200.002	115.200.002
<i>Công ty cổ phần cung ứng và phân phối vật liệu Sao Mai</i>		
Mua nguyên vật liệu	11.399.233.186	31.417.464.597
<i>Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 6 – TNHH một thành viên</i>		
Phí tổng thầu	11.313.500	11.313.500
<i>Công ty cổ phần bất động sản Bình Thiên An</i>		
Ứng trước thi công công trình	1.974.303.619	2.059.909.009
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>40.590.291.646</u></b>	<b><u>39.562.729.364</u></b>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

**3. Thuê hoạt động**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Từ 01 năm trở xuống	1.542.796.512	4.198.449.024
Trên 01 năm đến 05 năm	5.704.061.549	3.778.604.122
<b>Cộng</b>	<b><u>7.246.858.061</u></b>	<b><u>7.977.053.146</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 4. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

##### *Lĩnh vực kinh doanh*

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Lĩnh vực xây dựng: Xây dựng công trình.
- Lĩnh vực sản xuất: Sản xuất bê tông các loại như: cọc ống, cọc vuông, đầm, ván ép.
- Lĩnh vực khác: Bán vật tư, dịch vụ lao phồng và vận chuyển.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 01 đính kèm từ trang 42 đến trang 44.

##### *Khu vực địa lý*

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.

#### 5. Quản lý rủi ro tài chính

##### *Tổng quan*

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Tổng Giám đốc phê duyệt.

##### *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, bảo lãnh dự thầu hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên phối hợp với phòng Kinh doanh theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

##### *Các khoản cho vay*

Công ty cho Công ty TNHH một thành viên 3D – Long Hậu vay tiền. Hiện tại, Công ty đang bao tiêu toàn bộ sản phẩm của Công ty TNHH một thành viên 3D – Long Hậu và đang xem xét phương án để xử lý khoản nợ này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Địa chỉ: Kim 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.038.381.445	-	12.038.381.445
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Phải thu khách hàng	612.916.631.495	16.181.942.185	629.098.573.680
Các khoản cho vay	55.809.000.000	-	55.809.000.000
Các khoản phải thu khác	181.137.386.674	2.296.504.179	183.433.890.853
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	15.160.000.000	9.496.510.000	24.656.510.000
<b>Cộng</b>	<b>880.061.399.614</b>	<b>27.974.956.364</b>	<b>908.036.355.978</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.615.778.222	-	31.615.778.222
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Phải thu khách hàng	576.331.827.979	16.181.942.185	592.513.770.164
Các khoản cho vay	53.309.000.000	-	53.309.000.000
Các khoản phải thu khác	143.976.708.320	2.296.504.179	146.273.212.499
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	15.160.000.000	9.496.510.000	24.656.510.000
<b>Cộng</b>	<b>823.393.314.521</b>	<b>27.974.956.364</b>	<b>851.368.270.885</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Vay và nợ	678.082.005.028	1.226.072.149	679.308.077.176
Phải trả người bán	331.354.130.619	-	331.354.130.619
Các khoản phải trả khác	39.751.495.031	-	39.751.495.031
<b>Cộng</b>	<b>1.049.187.630.678</b>	<b>1.226.072.149</b>	<b>1.050.413.702.826</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay và nợ	681.616.053.504	1.201.363.065	682.817.416.569
Phải trả người bán	309.363.448.563	-	309.363.448.563
Các khoản phải trả khác	36.582.688.739	-	36.582.688.739
<b>Cộng</b>	<b>1.027.562.190.806</b>	<b>1.201.363.065</b>	<b>1.028.763.553.871</b>

15  
TY  
001  
10  
C  
00

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

#### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá chứng khoán và giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000.000.000	3.000.000.000
Các khoản cho vay	53.309.000.000	53.309.000.000
Vay và nợ	(659.690.047.415)	(655.956.682.456)
<b>Tài sản/ (Nợ phải trả) thuần</b>	<b>(603.381.047.415)</b>	<b>(599.647.682.456)</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 9.412.744.340 VND (năm trước giảm/tăng 9.354.503.846 VND).

#### *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư cổ phiếu có giá trị nhỏ.

#### *Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### Tài sản đảm bảo

##### Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác là tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 lần lượt là 3.447.497.375 VND và 27.979.256.457 VND (xem thuyết minh V.1 và V.2).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

##### Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## 6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

### Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.038.381.445	-	31.615.778.222	-	12.038.381.445	31.615.778.222
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu khách hàng	629.058.573.680	(15.392.692.185)	592.513.770.164	(15.392.692.185)	613.705.881.495	577.121.077.979
Các khoản cho vay	55.809.000.000	-	53.309.000.000	-	55.809.000.000	53.309.000.000
Các khoản phải thu khác	183.433.890.853	(2.296.504.179)	146.273.212.499	(2.296.504.179)	181.137.386.674	143.976.708.320
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.656.510.900	(3.600.439.923)	24.656.510.000	(3.600.439.923)	21.131.070.077	21.056.070.077
<b>Cộng</b>	<b>908.036.355.978</b>	<b>(21.289.636.287)</b>	<b>851.368.270.885</b>	<b>(21.289.636.287)</b>	<b>886.821.719.691</b>	<b>830.078.634.598</b>

### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Vay và nợ	659.690.047.415	655.956.682.456	659.690.047.415
Phải trả người bán	331.354.130.619	309.363.448.563	331.354.130.619	309.363.448.563
Các khoản phải trả khác	39.751.495.031	36.582.688.739	39.751.495.031	36.582.688.739
<b>Cộng</b>	<b>1.030.795.673.065</b>	<b>1.001.902.819.758</b>	<b>1.030.795.673.065</b>	<b>1.001.902.819.758</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

#### 7. Thông tin khác


Theo Hợp đồng thuê đất số 20/2010/HĐTD-LHC-MAR ngày 22 tháng 12 năm 2010, Công ty đã thuê 03 lô đất trong Khu công nghiệp Long Hậu với tổng diện tích là 66.177 m<sup>2</sup> và tổng giá trị phải thanh toán theo Hợp đồng là 141.949.665.000 (Đã bao gồm VAT). Tổng số tiền Công ty đã thanh toán đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 51.284.933.000 VND. Do nhu cầu sản xuất kinh doanh thực tế bị thu hẹp nên Công ty dự kiến sẽ trả lại bớt diện tích đất đã thuê (lô C01) đồng thời điều chỉnh lại kế hoạch thanh toán và thống nhất tiền lãi phát sinh. Tuy nhiên đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn chưa đạt được sự thỏa thuận với Công ty cổ phần Long Hậu.


Hiện tại, Công ty chưa ghi nhận khoản lỗ chênh lệch tỷ giá cuối năm liên quan đến tiền thuê đất phải trả cho Công ty cổ phần Long Hậu với số tiền khoảng 4.179.645.915 VND. Công ty cũng chưa phân bổ chi phí tiền thuê đất đang ghi nhận trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn vào kết quả hoạt động kinh doanh với số cần phải phân bổ trong kỳ và lũy kế đến cuối kỳ lần lượt là 1.387.582.258 VND và 12.488.240.323 VND (ước tính theo tổng số tiền thuê phải trả và thời hạn thuê của Hợp đồng đã ký kết).


Công ty sẽ hạch toán đầy đủ theo qui định các khoản có liên quan đến Hợp đồng thuê đất này sau khi đã thống nhất với Công ty cổ phần Long Hậu về các vấn đề nêu trên.

#### 8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

  
Nguyễn Thị Ngọc Trâm  
Người lập biểu

  
Võ Thị Xuân Lan  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Ngọc Dũng  
Tổng Giám đốc



Bình Dương, ngày 07 tháng 8 năm 2015

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Đơn vị tính: VND				
	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	186.769.069.442	226.386.587.641	74.273.892.160	-	487.429.549.243
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>186.769.069.442</b>	<b>226.386.587.641</b>	<b>74.273.892.160</b>	-	<b>487.429.549.243</b>
Chi phí bộ phận	166.649.185.700	193.234.451.479	77.964.543.542	-	437.848.180.721
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	20.119.883.742	33.152.136.162	(3.690.651.382)	-	49.581.368.522
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(19.213.652.224)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	30.367.716.298
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	5.463.464.758
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(28.508.362.310)
Thu nhập khác	-	-	-	-	4.208.413.624
Chi phí khác	-	-	-	-	(1.314.429.887)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	(1.807.696.546)
Chi phí thực thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	6.409.105.937
Chi phí thực thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	113.400.000
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	-	-	-	-	<b>113.400.000</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn	-	113.400.000	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.077.525.264	4.270.495.004	782.760.377	-	6.130.780.645
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

1004  
1004  
1004  
A

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương  
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Kỳ trước	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	97.822.790.549	143.757.405.784	15.136.085.496	-	256.716.279.829
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>97.822.790.549</b>	<b>143.757.405.784</b>	<b>15.136.085.496</b>	-	<b>256.716.279.829</b>
Chi phí bộ phận	79.030.565.494	121.727.283.567	15.995.904.805	-	216.753.753.866
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	18.792.225.055	22.030.120.217	(859.819.309)	-	39.962.525.963
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(23.264.971.878)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	16.697.554.085
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	12.197.877.686
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(24.048.705.399)
Thu nhập khác	-	-	-	-	1.306.357.800
Chi phí khác	-	-	-	-	(108.472.958)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(1.329.814.467)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	-	-	-	-	<b>4.714.796.747</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn</b>	-	<b>5.679.574.000</b>	<b>447.645.773</b>	-	-
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>2.038.240.099</b>	<b>5.052.509.893</b>	<b>1.167.898.530</b>	-	<b>6.127.219.773</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu</b>	-	-	-	-	<b>8.258.648.522</b>



*(Signature)*  
 Võ Thị Xuân Lan  
 Kế toán trưởng

*(Signature)*  
 Nguyễn Thị Ngọc Trâm  
 Người lập biểu

Báo cáo này phải được đọc: cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

**CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6**

Địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


**Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**


Đơn vị tính: VND


Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	512.313.536.626	502.694.134.521	103.120.948.788	1.118.128.619.935
Tài sản phân bổ cho bộ phận	6.193.540.304	20.327.390.031	5.376.709.078	31.897.439.413
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				499.933.315.673
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.649.959.375.021</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	89.626.873.093	136.358.403.168	424.991.414	226.410.267.675
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				913.741.955.368
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>1.140.152.223.043</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	557.729.323.094	454.882.016.495	87.133.413.354	1.099.744.752.943
Tài sản phân bổ cho bộ phận	9.823.565.682	21.197.875.223	5.952.970.318	36.974.411.223
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				481.737.517.058
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.618.456.681.224</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	102.540.307.734	118.593.245.184	754.749.667	221.888.302.585
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				893.170.332.598
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>1.115.058.635.183</b>

Bình Dương, ngày 07 tháng 8 năm 2015

  
 Nguyễn Thị Ngọc Trâm  
 Người lập biểu

  
 Võ Thị Xuân Lan  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Ngọc Dũng  
 Tổng Giám đốc
